

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯƠNG MỸ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 4 - 2022  
“V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hà; bà Nguyễn Thị Luận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thu Hòa** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 500/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên Đơn:** Chị Doãn Thị T – sinh năm 1996

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V – sinh năm 1994

Đều ĐKKHKT: thôn ĐT, xã TT, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị T; Vắng mặt: Anh V

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Doãn Thị T trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2017 tại UBND xã TT, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân anh V chơi bời cờ bạc, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ

con; thỉnh thoảng anh V còn đánh chị. Anh V thường xuyên vắng nhà do làm ăn nợ nần không dám về nhà, chỉ thỉnh thoảng về nhà một lúc buổi tối rồi lại đi. Chị đã đưa các con ra ngoài thuê nhà ở riêng, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2021 và không còn quan tâm, hỏi han đến nhau nữa, kể cả trong thời gian tết âm lịch năm 2022 vừa qua chị cũng không ăn Tết ở gia đình nhà chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

*Về con chung:* Chị và anh V có hai con chung là Nguyễn Doãn Thu T1, sinh ngày 08/4/2019 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 22/9/2020; hiện cả hai con đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, lý do hiện nay chị có chỗ ở thuê, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng từ nghề thẩm mỹ Spa; còn anh V hiện nay rơi vào tình trạng nợ nần phải đi trốn nên chưa có khả năng nuôi dưỡng các con. Chị không đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh V thông qua người nhà anh V và trực tiếp liên lạc với anh V qua tin nhắn điện thoại, nhưng anh V cũng không đến Tòa án để hòa giải, cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của chị T.**

**\* Ông Nguyễn Xuân V1 là bố đẻ của anh V trình bày:** Ông chỉ thấy vợ chồng anh V, chị T âm thầm mâu thuẫn, còn nguyên nhân do đâu thì ông không biết. Chị T đã đi khỏi nhà ông từ tháng 11/2021. Anh V cũng biết chị T có đơn xin ly hôn, nhưng không có ý kiến gì. Hiện tại anh V đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi ngay, thỉnh thoảng có gọi điện thoại về nói chuyện với mẹ anh V. Gia đình ông cũng mong muốn và B anh V về nhà để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh V không về.

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị được nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa

vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng do pháp luật quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T; giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác; ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Doãn Thị T có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn V về việc xin ly hôn, nuôi con chung nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh V có hộ khẩu thường trú và trú tại xã TT, huyện CM, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sự vắng mặt của bị đơn - anh Nguyễn Văn V: Tòa án đã tiến hành tổng đặt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh V, nhưng anh V vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, anh V đã tự tước bỏ việc thực hiện quyền tố tụng của đương sự quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định trên. Do anh V vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của chị Doãn Thị T và tài liệu chị T giao nộp, có đủ cơ sở kết luận: Chị T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2017 tại UBND xã TT, huyện CM, Thành phố Hà Nội, đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: Chị T cho rằng vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ tháng 11 năm 2021; trong thời gian tết âm lịch năm 2022 anh V và chị T đều không tạo cho nhau cơ hội sum họp, đoàn tụ gia đình. Anh V cũng không thể hiện quan điểm trước yêu cầu xin ly hôn của chị T, không đến Tòa án làm việc. Bố đẻ anh V cũng khuyên B anh V khi thấy chị T xin ly hôn, nhưng anh

V cũng không về nhà để giải quyết chuyện tình cảm vợ chồng. Như vậy, giữa anh V và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh V.

[2.2] Về con chung: Theo tài liệu chị T xuất trình, có căn cứ xác định chị T và anh V có hai con chung là Nguyễn Doãn Thu T1, sinh ngày 08/4/2019 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 22/9/2020; hiện cả hai con đang ở cùng chị T. Sau ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung, với căn cứ hiện nay chị T có chỗ ở thuê, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu nuôi hai con chung của chị T thì thấy: Chị T hiện có nhà ở do thuê, có nghề và thu nhập ổn định, có nguyện vọng tha thiết nuôi cả hai con, trong khi anh V không có ý kiến gì về đề nghị nuôi con của chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu T1 và cháu B cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh V cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh V không có quan điểm trình bày về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Doãn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Chị Doãn Thị T và anh Nguyễn Văn V có hai con chung là Nguyễn Doãn Thu T1, sinh ngày 08/4/2019 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 22/9/2020.

Giao cháu T1 và cháu B cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Anh Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh V cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Doãn Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0075588 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ngày 24/12/2021.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TT (Số 17/2017);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hà    Nguyễn Thị Luận**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**